



NAM MÔ ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT



NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT



NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT





Nam mô Phương Liên Tịnh xứ mật tịnh đạo tràng cổ Hoà Thượng
Tôn sư Thích thượng Thiên hạ Tâm Thùy tử minh chúng

TÂY PHƯƠNG NHỰT KHÓA

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

---o0o---

*Chớ quản gió sương sông núi cách,
Hoa sen Bảo Tích sắc hương màu*

Chương I'- LỜI PHI LỘ VÀ PHỤNG KHUYẾN

Hiện nay, người tu Tịnh độ càng ngày càng đông. Sở dĩ như thế, bởi môn Niệm Phật có những yếu-tố:

1. Thích ứng cả ba căn.
2. Gồm tự lực, tha lực.
3. Giải thoát trong hiện kiếp.
4. Hợp thời tiết, cơ duyên.

I. NIỆM PHẬT THÍCH ỨNG CẢ BA CĂN.

Các pháp môn khác, nếu thấp thì bậc thượng căn chẳng thích tu, và nếu cao tất các bậc trung, hạ căn không kham tu. Chẳng hạn như về Thiền tông, thì đạo lý thật mầu nhiệm cao siêu, một niệm đi thẳng vào chân tâm sáng suốt, ứng dụng tự tại, vượt khỏi đầu sào trăm trượng, như nhạn bay giữa thái hư dấu vết chẳng còn lưu. Nhưng khúc điệu càng cao, người họa càng thưa ít. Nếu

chẳng phải bậc tuệ căn gieo sấn, chỉ e cho vẽ cọp không thành. Nên cổ đức đã bảo: "Chẳng phải căn thượng thượng. Dè dặt chớ khinh truyền" (*Phi thượng thượng căn. Thận vật khinh hứa*). Bởi nếu không phải bậc thượng căn triệt ngộ Thiền cơ thì chẳng thể nhập được ngay vào chân không, mà phần nhiều lại lạc vào lối chấp thiên không. Rồi từ đó bác phá nhân quả sự tướng, tăng lòng ngã mạn cống cao. Về điều này trong Chứng đạo ca, Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền sư có nói: "Nếu chấp cái không trống rỗng, rồi bác phá nhân quả thì ương họa lan tràn!" (*Hoát đạt không, Bác nhân quả, Mãng mãng, đảng đảng chiêu ương họa!*). Thật ra Thiền tông cần phải duy trì và phục hưng, cho chúng sanh được độ thoát an vui, vườn hoa Phật giáo thêm thắm tươi đầy đủ màu sắc. Nếu có bậc tu Thiền chân chánh làm lợi ích cho mình và người, cũng đáng nên cúi đầu đánh lễ. Rất tiếc nhiều kẻ mới vào cửa màu Thiền học, liền chuộng những huyền lý cao siêu, vội xem thường sự thờ cúng, tu phước, giữ giới, bác phá lễ Phật, sám hối, tụng kinh, cho là hành môn thấp nhỏ, chấp trước sự tướng. Cảnh trạng một kẻ mê đường dẫn nhiều

người lạc lối, khiến cho ngay những bậc tôn đức bên Thiền trông thấy cũng thê lương cho Phật pháp, xót dạ, đau lòng! Nếu huyền sắc tức là chân không thì dù tham Thiền, niệm Phật, tụng Kinh, hay hành trì tất cả sự tướng trong đạo pháp, cũng đều là chân không. Bậc liễu đạt tùy niệm ứng dụng tự tại không dính mắc, như trái hồ lô lăn tròn trên mặt nước, can chi mà phòng ngại! Cho nên chư cổ đức bên Thiền đã cảnh giác: "Thiền tông nếu đi đúng tất mau chứng quả bồ đề, còn lạc lầm thì đọa vào địa ngục như tên bắn!". Các pháp môn cao, với bậc thượng căn mới được sự lợi ích thiết thật là như thế ấy.

Còn môn Tịnh Độ thì thích ứng tất cả ba căn cơ: thượng, trung, hạ. Bậc thượng thượng căn như các ngài: Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ, Trí Giả và các bậc cao đức xưa nay, phần nhiều đều tu về môn này. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử khi tham phỏng bậc tri thức đầu tiên là Đức Vân Bồ Tát, ngài Đức Vân đã đem môn Niệm Phật tam muội mà truyền dạy. Đến lúc cuối cùng, Phổ Hiền đại sĩ cũng nói Mười đại nguyện vương, khuyên Thiện Tài và chư vị

Bồ Tát trong Hoa Tạng hải hội niệm Phật hồi hướng về Cực Lạc. Do đây, nếu bảo niệm Phật là pháp môn thấp kém, chỉ để cho hạng tầm thường, ngu dốt tu, là quan niệm rất sai lầm!

Đến như bậc hạ căn, thì trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đã ghi chép các sự tích. Kể ngu muội dốt nát, phá giới phạm trai, nghèo khổ tật nguyền, cho đến loài chim theo lời người dạy xưng danh hiệu Phật, biết hồi tâm sám hối, trì niệm chuyên thành, đều được nguyện lực của Phật nhiếp thọ, tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Cho nên một bậc danh đức xưa đã khen môn Tịnh Độ là: “Bảo phiệt ra khỏi Ta bà. Huyền môn để thành Phật đạo” (*Xuất Ta bà chi bảo phiệt, Thành Phật đạo chi huyền môn*). Cũng trong ý đó, Ấn Quang đại sư có câu đối: “*Bỏ đường tắt Tây phương, chín giới chúng sanh, trên khó thể viên thành quả giác. Là cửa mầu Tịnh độ, mười phương chư Phật, dưới không toàn độ thoát loài mê*”. Nói theo kinh, pháp môn Niệm Phật, quả thật như chiếc lưới báu cực to, có thể vớt tất cả loài cá lớn nhỏ trong tam giới, đưa lên bờ Niết Bàn vậy.

II. NIỆM PHẬT GỒM TỰ LỰC VÀ THA LỰC:

Trừ Tịnh độ và Mật tông, các pháp môn khác đều nương vào tự lực, tức là sức tu của chính mình, để cầu giải thoát. Luận riêng về Tịnh độ, thì môn này gồm cả tự lực và tha lực. Tự lực là sức trì niệm của chính mình; tha lực là sức nhiếp thọ hộ niệm trong hiện tại và sự tiếp dẫn vãng sanh của Phật khi lâm chung. Có kẻ bảo người tu môn niệm Phật là hèn yếu, chỉ ỷ lại vào tha lực, cũng là quan niệm cạn cợt, sai lầm. Hành giả Tịnh độ thân kính lễ Phật, miệng xưng danh Phật, ý chuyên tưởng Phật, nhiếp tâm từ loạn vào định, cho đến cả khi đi đứng nằm ngồi. Vận dụng cả ba nghiệp để hành trì, cố gắng hết sức mình, đó là chứng minh thực tế và hiển nhiên về tự lực. Như thế, tại sao lại bảo rằng niệm Phật là hèn yếu, chỉ ỷ lại vào tha lực? Cho nên niệm Phật chính là đem hết tự lực của mình để cảm thông với tha lực của Phật, cứu cánh dung hòa tự với tha, tâm và Phật, đi sâu vào Chánh ức niệm tam muội. Bước đầu tiên khi đã có sự cảm thông, thì hành giả sẽ được Phật phóng quang minh thường trụ nơi đảnh nhiếp thọ, hiện tiền tiêu trừ tội chướng tai bịnh, phước huệ lần tăng, khi

mãn phần lại được tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Sở dĩ người xưa nay khi đề cập đến môn Tịnh độ, phần nhiều nhấn mạnh về tha lực, đó là hàm ý chú trọng sự tiếp độ đến chỗ giải thoát. Vì nếu không được sức Phật nhiếp thọ tiếp dẫn, thì đạo lực tầm thường của hành giả không thể sanh về cõi Cực Lạc cách đây mười muôn ức Phật độ. Bởi dù cho đạo lực của lực thông La Hán, cũng chỉ ở phạm vi thấy biết, dạo đi trong cõi tam thiên đại thiên, thuộc thế giới Ta bà này mà thôi. Và khi còn hoặc nghiệp mà không được tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc, bước lên cảnh giới Bất thối chuyển, nương nơi thắng duyên của cõi ấy mà tiến tu, tất phải tùy nghiệp chịu luân hồi, không biết chừng nào mới được giải thoát! Vì sự vãng sanh có điểm rất quan hệ như vậy, nên tha lực của Tịnh độ được chú trọng nhiều, khiến cho kẻ nông cạn vội nhận lầm là môn này chỉ ỷ lại vào tha lực, không cần tự lực.

Đến đây, thấy nên giải thích thêm vài điểm nghi vấn. Có kẻ nói: “Bậc Bồ tát chứng vô sanh nhẫn đã dứt hoặc nghiệp, thoát khỏi luân hồi, cần chi phải cầu về Cực Lạc? Và

các vị ấy có thân thông đi đến vô lượng thế giới, lại cần chi niệm Phật để cầu sự tiếp dẫn?”. Xin đáp, theo kinh nói: “Sự cất chân lên để bước xuống của Phật, bậc Đăng Giác Bồ tát còn không thấu hiểu, huống chi hàng thập địa Bồ Tát! Các vị ấy tuy dứt kiến tư và trần sa hoặc, song vô minh hoặc hỷ còn, nên cần phải gần gũi Phật để học đạo pháp thành Phật. Thật ra, chư đại Bồ tát có hai việc: trên cầu về mười phương Tịnh độ để học vô lượng pháp môn của Như Lai, dưới hiện thân khắp mười phương uế độ để giáo hóa các loài hàm thức. Pháp thân của chư vị thường trú, tuy ở cõi Tịnh mà không lìa cõi uế, và dù ở uế độ vẫn không rời Tịnh độ. Còn việc Bồ tát niệm Phật để cầu tiếp dẫn, ví như một học giả đến viếng bậc thầy của mình, tuy có thể tự tại đi vào nhà, nhưng theo lễ phải xin phép. Và vị thầy đúng theo tâm niệm dìu dắt hàng hậu lai, cũng vui vẻ tiếp đón. Việc chư Bồ tát muốn về Cực Lạc, niệm hồng danh Phật để cầu cầu, và Đức Phật tùy bản nguyện, đến tiếp dẫn cũng lại như thế. Nhưng sự tiếp dẫn của Phật tùy niệm ứng hiện, trong một sát na có thể đồng thời đến vô biên thế giới ở mười phương, tiếp

dẫn số chúng sanh như vi trần, như gương trắng sáng hiện bóng khắp các điểm nước, sông, hồ, đâu có tướng đến đi và đâu có chi nhọc mệt mà phòng ngại!”.

III. NIỆM PHẬT GIẢI THOÁT NGAY TRONG HIỆN KIẾP.

Với các pháp môn khác, hành giả phải dứt trừ hết hoặc nghiệp mới vượt sự sống chết luân hồi. Riêng môn Tịnh độ, dù cho hoặc chướng hầy còn, vẫn có thể hiện đời nương nơi nguyện lực của Phật, đối nghiệp vãng sanh, tiến thẳng lên bờ giải thoát. Về điểm này, trong bức thư phúc đáp cho Tịnh Tu pháp sư, ngài Ấn Quang đã nói như sau:

"Có hai đường tiến đến chỗ giải thoát là: Thánh đạo và Vãng sanh.

Về Thánh đạo, tức đường tu chứng lên quả Thánh không chi thẳng tắt mau lẹ hơn môn Trục chỉ thiên. Nhưng tu Thiền giữa thời này, trong hiện đời chưa dễ gì ngộ đạo, huống chi là chứng đạo? Nếu không chứng quả, trong mười người tu đã lạc lối hết tám chín, bởi khi luân hồi sẽ bị nhiều chướng duyên làm cho thoái chuyển, dễ mê muội tức căn. Tu Thiền, nếu chứng được sơ quả Tu

đà hoàn, tuy còn bảy lần sanh lên cõi trời, bảy phen trở lại nhơn gian, nhưng sẽ không còn lo thoái chuyển. Khi chứng đến quả A la hán, mới dứt hẳn luân hồi. Ngoài ra, thì không nhứt định, có kẻ đời hiện tại tu hành rất tốt, kiếp sau được hưởng phước, say đắm theo dục lạc, tạo nghiệp ác rồi bị đọa vào địa ngục. Dù cho năm ba đời giữ được thiện căn, không tạo nghiệp ác, song ai có thể bảo đảm những kiếp về sau lại chẳng gây nghiệp rồi bị đọa tam đồ! Chẳng nói đâu xa, ngay trong đời hiện tại, rất nhiều hành giả trước siêng năng, sau biếng trễ, đạo tâm dần dà thoái chuyển, đến nỗi có kẻ phải hoàn tục. Những đời về sau, theo đà mạt kiếp, Phật pháp lần suy kém, bậc thiện tri thức rất khó tìm, sự giải thoát lại còn xa hơn nữa!

Riêng có đường lối vãng sanh, là niệm Phật cầu về Tịnh độ, thì dù cho hoặc chướng hầy còn, vẫn có thể nương theo nguyện lực tiếp dẫn của đức A Di Đà, vượt ngang ba cõi, đối nghiệp thẳng sang Cực Lạc. Thật ra, cũng như bên Thiền, giữa thời mạt pháp này, người tu Tịnh độ đến cảnh giới Sự nhứt tâm bất loạn rất là ít có, huống chi là cảnh Lý nhứt tâm, và đi sâu vào Niệm Phật tam

muội! Nhưng nếu thuở bình nhứt chuyên tri niệm, khi lâm chung, chủng tử của câu hồng danh đã huân tập từ lâu phát hiện, liền khiến cho tạm thời được nhứt tâm. Lúc ấy chỉ cần gia thêm ý niệm tha thiết, rửa sạch trần duyên hướng về liên quốc, quyết định sẽ được sự cảm thông tiếp dẫn. Khi đã về cõi ấy rồi, trên có Phật, Bồ tát, dưới là các hàng thượng thiện nhơn, nước chảy, chim kêu, nói ra pháp diệu, không còn bị các duyên ăn, mặc, ở và sanh kế (y, thực, trụ, hành) làm vướng bận, sống lâu vô lượng kiếp, lo chi đạo quả không thành! Pháp sư đã hỏi, tôi chỉ y theo chỗ thấy hiểu của cổ đức và căn cứ nơi Phật lý mà giải đáp, xin suy gẫm kỹ rồi tùy tâm lựa chọn..."

Lời trên đây của đại sư, đã vạch rõ chỗ ổn đáng và khó bảo đảm trên đường giải thoát của thời nay, giữa Tịnh cùng Thiền.

IV. NIỆM PHẬT HỢP THỜI TIẾT, CƠ DUYÊN.

Trong thời Chánh pháp và Tượng pháp, con người phần nhiều nghiệp nhẹ, tâm thuần, hoàn cảnh sinh hoạt giữa xã hội lại đơn giản, có thể tu các pháp môn về Thánh đạo. Thời ấy, Thiền tông đặc biệt hưng thịnh, hành giả căn cơ sáng lẹ, thấy non

xanh hoa nở, nghe gió thổi suối reo đều có thể ngộ đạo. Nhưng từ thời mạt pháp về sau, nhơn tâm khác xưa, sự sinh hoạt, tổ chức giữa xã hội lần lần phức tạp, căn cơ người tu phần nhiều là bậc trung, hạ. Cho nên muốn bảo đảm sự giải thoát, cần phải hướng về pháp hợp với thời tiết, cơ duyên là môn Niệm Phật. Về điều này, xin dẫn những chứng liệu như sau:

1. Trong kinh Đại tập Nguyệt Tạng, đức Thích Tôn đã huyền ký : "Thời mạt pháp, ước ước kẻ tu hành, song ít có người đắc đạo, chỉ nương theo pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi" (*Mạt pháp, ước ước nhơn tu hành, hãn nhứt đắc đạo. Duy y Niệm Phật, đắc độ sanh-tử*).
2. Nơi kinh Vô Lượng Thọ, Phật cũng bảo: "Trong đời tương lai, khi kinh đạo diệt hết, ta dùng sức từ bi, thương xót, riêng lưu trụ kinh này một trăm năm. Chúng sanh nào gặp kinh này, tùy theo sở nguyện, đều có thể đắc độ" (*Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu trụ kinh, chỉ trụ bá tuế. Kỳ hữu chúng sanh, tri tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*). Đức Như Lai là bậc trí huệ rộng sâu,

vì sao chẳng lưu lại các pháp kia, mà chỉ lưu môn Tịnh độ? Đó là thâm ý Phật đã chỉ rõ: Thời mạt pháp về sau, đường tu hợp với cơ duyên chúng sanh, chỉ là môn Tịnh độ.

3. Nơi đoạn Minh Giáo của An Lạc Tập, Đạo Xước Thiền sư lại có lời bình luận: "Nếu giáo pháp hợp với thời cơ, thì dễ tu, dễ ngộ. Như giáo pháp trái thời cơ, tất khó tu, khó nhập. Nên kinh Chánh Pháp Niệm nói: Hành giả khi nhứt tâm cầu đạo, phải quan sát về phương tiện thời cơ, nếu trái với phương tiện đó, tất bị thất lợi. Tại sao thế? Như cọ gỗ ướt để tìm lửa thì không thể được, vì trái thời. Và như bẻ cây khô để tìm nước, cũng chẳng thể có, vì không trí huệ. Đức Như Lai đã phân định năm thời kiên cố sau khi Ngài nhập diệt, mỗi thời là năm trăm năm. Trong các thời Chánh pháp và Thiền định kiên cố, hành giả nên chọn Thánh đạo, tu định huệ làm phần chánh, cầu Tịnh độ làm phụ. Từ cuối thời Đa văn kiên cố bước sang thời Thập tự và Đấu tranh kiên cố về sau, nên lấy Tịnh độ làm phần chánh, tu Thánh đạo làm phụ".

Ngoài những chứng liệu trên, còn lời huyền ký của bậc chơn tu đắc đạo là Thiền Như Thiền sư, cùng những điểm nhận định và biện chứng của các bậc danh đức xưa nay. Trong phạm vi khái ước này không thể nêu ra hết được. Bên Trung Hoa từ cuối đời nhà Tống về sau, các bậc tôn đức quan sát rõ thời cơ, đều chuyển lần từ Thiền trở sang xiển dương Tịnh độ. Tuy nhiên vì Thiền tông lưu hành hưng thịnh từ lâu thành phong thái, nên thường có sự tranh đua giữa Tịnh và Thiền. Song le, đó chỉ là kiến chấp của một số người chưa quán triệt Phật lý cùng thời cơ, còn các bậc cao tăng đã liễu đạt, thì chỉ tùy duyên mà duy hộ chánh pháp, tuyệt không tâm niệm phân biệt đây kia. Cứ trung thật mà luận, chúng hữu tình có nhiều tâm bệnh cùng sở nguyên, riêng một môn Tịnh độ vẫn không thể phổ cập và thích ứng để hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sanh, nên rất cần sự có mặt của các pháp môn. Theo thiền ý, trong thời mạt pháp, hành giả các tông khác, tuy hoằng truyền bản môn, nhưng cũng nên nghiên cứu Tịnh tông và quy hướng về lối vãng sanh để bảo đảm cho sự giải thoát, như chư tôn đức bên tông Tào

động - ngoài hoằng Thiền trong kiêm tu Tịnh - khi xưa. Và người tu Tịnh độ cũng cần học hỏi các tông khác, để thêm tiến ích cho đường hành đạo của mình, bởi mỗi tông như những đóa hoa, đều sáng tươi riêng phần đặc sắc. Lời dẫn luận trên, chỉ y theo quan điểm từ mẫn lợi sanh của Phật và chư cổ đức, nêu ra một đường lối tu tập thích ứng với thời tiết và cơ duyên mà thôi.

Ở Trung Hoa vào thời cận đại, có phong trào chấn hưng Phật giáo do một số danh tăng và Phật tử trung kiên cổ xúy. Quan sát hành vi lúc sanh thời và khi lâm chung của ít người trong nhóm ấy - những biểu tượng mà thường hơn không thể có được - nhiều nhà học Phật quả quyết đó là các bậc Bồ tát tái lai để duy hộ chánh pháp. Trong hạng người phi thường ấy: -Đế Nhàn pháp sư giảng kinh khắp nơi, chấn hưng về Thiên Thai tông - Hư Vân thượng nhơn tu chỉnh các danh lam, chấn hưng về Thiền tông - Ấn Quang đại sư dùng thơ tín, kinh, tượng độ vô số người, chấn hưng về Tịnh độ tông - Hoằng Nhất đại sư nghiêm giữ giới hạnh, soạn thành Nam Sơn Luật Uyển Tông Thư, chấn hưng về Luật tông - Thái Hư đại sư vận động cuộc

canh tân Phật giáo, chấn hưng về Duy thức tông - Kim cang thượng sư Hô Đồ Khắc Đồ từ Tây Khang đến truyền dương về Mật tông. Đến như cư sĩ Dương Nhân Sơn trọn đời thành lập bang, hội sưu-tầm và ảnh ấn các tượng Phật, Bồ Tát và Tam tạng kinh điển, để cho chánh pháp khỏi bị sớm hủy diệt về sau.

Riêng ngài Ấn Quang đã đem sự vãng sanh lúc lâm chung, chứng minh cho lời nói và hành động buổi bình thời, thì không cần bàn luận. Còn Đế Nhàn pháp sư tuy hoằng dương kinh Pháp Hoa, truyền dạy môn tam quán, nhưng lúc lâm chung vẫn theo gót đáng khai tổ bản tông là Thiên Thai Trí Giả, niệm Phật sanh về Cực Lạc. Hư Vân thượng nhơn tuy thị hiện ngộ đạo, làm mô phạm hướng dẫn hành giả tu Thiền, song khi gặp hoàn cảnh, cơ duyên cũng khuyên người niệm Phật. Hoằng Nhất Đại sư lưu lại bút tích Bi Hân Giao Tập, lúc lâm chung khi thấy Tây phương Tam Thánh đến rước. Thái Hư đại sư hoằng dương Duy Thức, song hằng khen ngợi mười phương Tịnh độ, nhưng vì không muốn trái với ứng tích của đáng khai tổ là Di Lặc Bồ tát, nên hồi hướng cầu sanh

Đâu Suất Tịnh độ. Thượng sư Hô Đồ Khắc Đồ tuy truyền pháp Thánh cứu độ Phật mẫu - gồm 21 Độ Mẫu, hóa thân của đức Quán Thế Âm - để cứu nạn tai thời mạt kiếp, song cũng khuyên hàng đệ tử đem công đức tri niệm hồi hướng về Cực Lạc. Dương Nhân Sơn cư sĩ lúc mãn phần, ngồi chấp tay nói với các hàng đạo hữu: "Bản nguyện của tôi cùng bản nguyện đức A Di Đà dung hợp nhau", rồi niệm Phật mà hóa. Có phải chăng các bậc danh đức trên đây, tuy mỗi người làm một Phật sự, song đã dùng bản thân, hoặc lời nói mà ngầm khuyên các hành giả chú trọng về sự giải thoát, vãng sanh.

V. LUẬN VỀ NGƯỜI VÀ CẢNH THỜI NAY.

Nói chung trên phương diện hoằng dương đạo pháp, mỗi tông đều phát huy những đặc điểm của mình, để người học Phật tùy sở thích mà thu nhập. Nhưng bình tâm thử nghiệm xét, lúc này là thời buổi nào?

Thời này luận về người, thì chúng sanh phần nhiều đều nặng nghiệp. Bên Trung Hoa, khoảng cuối đời nhà Thanh bước sang Dân quốc, cư sĩ Cao Hạc Niên khi hỏi đạo nơi các danh lam, gặp một vị cao tăng ẩn tu bảo: "Thời nay, trong một trăm kẻ ác, mới có một

người thiện. Trong một trăm kẻ thiện, mới có một người hướng về đạo. Trong một trăm kẻ hướng về đạo, mới có một người giữ vững tâm nguyện, không thối chuyển trên bước tu hành. Thuở xưa, trong lúc phú pháp cho Huệ Khả đại sư, Tổ Đạt Ma có dạy: "Khoảng hai trăm năm về sau, người học lý thì nhiều, song ngộ lý rất ít. Người nói lý thì nhiều, song hành lý rất ít. Người hành lý hoặc nhiều, song chứng lý rất ít". Nên ý thức, chỉ riêng bước đầu là phần học Phật lý, nhiều kẻ nếu chẳng vững về chấp có, giữ chặt lấy sự tướng, thì cũng lạc vào chấp không, bài bác nhân quả! Mấy ai là bậc hiểu sâu Phật thừa, liễu ngộ diệu hữu tức chơn không, chơn không tức diệu hữu? Cư sĩ tuy mộ đạo, song dè dặt đừng sa vào kiến chấp đó!". Cao Hạc Niên cư sĩ có hỏi đến chỗ tiến chứng của nhiều bậc trưởng lão. Tất cả đều khiêm nhường và thành thật trình bày, đại khái như: nghiệp chướng nặng, còn nhiều tán loạn, hôn trầm, giới hạnh và oai nghi kém khuyết, bước tu chưa đạt đến thật địa... khi cư sĩ đề cập đến những kẻ xưng mình đã chứng ngộ, thì các vị ấy đều cảnh giác: "Theo kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có huyền ký: - gần thì thập thế (mỗi thế 100 năm), xa thì bách sanh (mỗi sanh 30

năm), có rất nhiều ma ngoại ám nhập người tu, hoặc ẩn bóng trong chánh pháp - Thời buổi này, nếu có ai tự xưng đã chứng ngộ, hoặc bảo mình là Phật, Tổ hiện thân, đó đích thị là hàng ma ngoại". Những điều trình thuật trên đây, cho chúng ta thấy con người thời nay hoặc nghiệp và ma chướng quá nhiều!

Luận về cảnh, thì những tai nạn: Động đất, núi lở, bão lụt, trộm cướp, chiến tranh, lửa cháy, hạn hán, mưa nắng trái thời, sâu trùng phá hoại, dịch chướng tràn lan, đã diễn ra ở nhiều nơi. Nhìn đến tương lai, trận thế chiến thứ ba chắc đâu đã khởi! Các phái Tiên đều bảo buổi này là thời mạt kiếp, có sự thanh lọc rộng lớn. Đạo Chúa nói sẽ có tận thế trước năm hai ngàn. Còn riêng đạo Phật, khi Hư Vân Thiên sư xuất thân lên cung trời Đâu Suất, được nghe Di Lặc Bồ tát nói pháp môn duy tâm thức định. Nơi đoạn kết thúc, Bồ tát đọc bài kệ dài, trong ấy có mấy câu: "*Kiếp nghiệp đương đầu. Cảnh tích phổ giác. Khổ hải từ hàng. Vô linh thôi khước*". Đại ý của đức Di Lặc bảo: Ở trần giới, tam tai tiểu kiếp đã bắt đầu, gồm các nạn: đói khát, tật dịch và chiến tranh. Bồ tát khuyên Thiên sư và những hành giả đạo Phật, nên làm chiếc thuyền từ trong biển khổ, nhắc nhở chúng sanh thức tỉnh

trước các tai nạn ấy, mà gắng lo tu hành, đừng để trôi chuyễn ... Nói khái quát, đi sâu vào thời mạt pháp, chúng sanh nghiệp nặng, thế giới nạn tai, cảnh nước lửa lâm than đã hiện ra trước mắt. Thời buổi này, thật ra còn không nên có sự phân biệt giữa các tôn giáo, hưởng chi trong các môn phái đạo Phật! Hiện nay các đạo đều thi nhau đóng con thuyền tể độ giữa cảnh sóng gió, trầm luân. Thần đạo thì độ thuộc phái trở về cảnh giới thần. Tiên đạo thì độ các người có căn tiên. Thiên đạo độ những vị thiện tâm về các cõi trời. Còn Phật đạo, tất phải khuyên kẻ hữu duyên về nơi Phật cảnh.

VI – VÀI ĐIỀU KẾT YẾU.

Đoạn trên, tề nhơn đã trình bày môn Tịnh độ qua bốn yếu điểm, luận nhơn và cảnh thời nay, khái lược các điều quan yếu, để phụng khuyến đồng bạn trong biển mê tối trầm luân, cùng hướng bước về nẻo sáng suốt an lành của Tịnh độ. Đó là phần lý thuyết, còn thực hành sẽ có nghi thức ở chương sau.

Trong khi trình luận, có mấy điểm đề cập đến giới hạn giữa Tịnh và Thiên, cũng bởi vài lý do bất đắc dĩ và cần thiết:

1- Vì một ít vị học Thiền, bài bác việc tụng kinh, niệm Phật qua nhiều điểm, khiến đa số Phật tử bối rối hoang mang hỏi đến, nên bắt buộc phải biện minh.

2- Vì nương theo gót từ bi của Phật và chư tôn đức, đã nói về pháp hợp thời cơ để làm lợi ích cho người học đạo, nên cần thiết phải giải thích. Bởi nếu nói pháp chẳng hợp cơ, tất chúng sanh chìm trong bể khổ (*Thuyết pháp bất đậu cơ, chúng sanh nội khổ hải*).

Thật ra, tỳ kheo rất thích Thiền tông và có thể bảo là có căn về môn ấy. Nói mến thích, vì Thiền tông có những đặc điểm của nó. Chẳng hạn như, khi học giả đến hỏi một Thiền sư: “Thế nào là đạo?”. Sư đáp: “*Một áng khói mây phong cửa động. Muôn chim về tổ chợt mê đường!*” Chỉ dùng hai câu vừa văn nhã, vừa giản dị bao quát để phá những khái niệm phân biệt về đạo, đưa vào chân tâm, Thiền tông đã tỏ ra một hương vị thanh thoát. Lại như câu chuyện: Khi ngài Pháp Nhãn hỏi Như Tắc Thiền sư: “Sao chưa từng thấy Giám viện phỏng đạo?”. Như Tắc đáp: “Tôi đã có chỗ sở nhập do sư Thanh Lâm khai thị. Vì khi tôi hỏi: Thế nào là Phật? Thanh Lâm đáp: Bính Đinh đồng tử đi tìm lửa” Pháp Nhãn bảo: “Khá hay! nhưng e ông chưa hiểu, vậy thử tỏ bày chỗ

kiến giải xem sao?” Như-Tắc thưa: “Bính Đinh (là hai can trong thập can) thuộc hành hỏa, tức là lửa, đem lửa tìm lửa, cũng như chính mình là Phật mà lại đi tìm Phật!”. Pháp Nhãn nói: “Quả nhiên Giám viện hiểu sai rồi!” Như Tắc không tỏ sắc giận, quay mình bỏ đi. Pháp Nhãn bảo thị giả: “Người này nếu trở lại thì cứu được, bằng không chắc chẳng thể cứu độ”. Như Tắc Thiền sư đi nửa đường, bỗng suy nghĩ: “Ông ta là bậc thiện tri thức của đại chúng gồm năm trăm vị, chẳng lẽ lại trêu mình?”. Liền trở lại, sám hối cầu khai thị. Pháp Nhãn bảo đề khởi lại câu hỏi trước. Sư liền đánh lễ thưa: “Bạch tôn đức, thế nào là Phật?” Pháp Nhãn đáp: “Bính Đinh đồng tử đi tìm lửa!”. Nghe xong Như Tắc chợt tỏ ngộ. Lời giải đáp của ngài Pháp Nhãn là đúng ngay ý thức tìm cầu về Phật đã có sẵn của Như Tắc Thiền sư, hốt nhiên đưa sư đi thẳng vào cảnh giới siêu thức. Cảnh giới tỏ ngộ ấy sâu hay cạn và như thế nào, đều không phải lời nói, tâm tư mà có thể đến được, chỉ do đương nhơn tự biết lấy, như chính mình thể nhận khi uống nước hoặc nóng hoặc lạnh mà thôi. Và đây cũng lại là một hương sắc thơm đẹp của bên Thiền.

Còn nói có căn về Thiền, vì tệ hơn lúc trẻ tuổi đang trên đường học đạo, một hôm đứng tựa gốc cây, bỗng nhiên muôn niệm đều tiêu tan, tâm cảnh thoát vào cõi rất mực an tĩnh, nhẹ nhàng, sáng suốt. Cảnh thoát trần không thể diễn tả ấy, chỉ kéo dài không đầy năm phút. Khi hoàn lại trạng thái cũ, tệ hơn suy nghĩ biết đó là túc tập về tu Thiền trong một tiền kiếp của mình. Từ ấy hằng ưa thích thiền tĩnh tọa. Trên bước tu, tuổi càng lớn, sự lịch duyệt càng sâu, tự xét mình thiện căn tuy có song hoặc nghiệp còn nhiều, lối luận thuyết cao siêu, sự hiểu biết chút ít về đạo, không thể đưa đến chỗ giải thoát được. Do đó lần lần hướng về Tịnh độ, sám hối, niệm Phật, cầu nguyện lực của Như Lai hộ trì, tiếp dẫn.

Đến nay, thành thật mà nói: Gương tánh hầy mờ, gót tu chưa ổn, căn thân chẳng tịnh, hạnh kiểm còn sơ. Soi gương Bá Ngọc, hơn năm mươi vẫn còn thấy lỗi lầm. Hướng gót Triệu Châu, tuổi tám chục còn mong học hỏi. Với danh phận xuất gia, tự thấy còn chưa xứng đáng, chẳng qua trên cương trường hoàng hóa, phải cố gắng đóng cho trọn vai tuồng của mình đó thôi. Nhìn đến tương lai, xét về bốn phận, xin mượn hai câu sau để tự diễn tả:

*Quý Tử áo thô nhiều vẻ thẹn,
Lưu lang suối cũ luống bàng hoàng!*

Chương II

NGHI THỨC MẬT TỊNH

*(Từ đây trở về sau, những đoạn nào có khệp vòng đơn, là các điều căn dặn hoặc dẫn giải, in bằng chữ nghiêng. Chữ lớn là phần xướng tụng hành trì. Trải nhiều năm kinh nghiệm, tệ hơn xét thấy các hành giả thời nay có những ma chướng, mà đạo lực kém yếu của phần đông người mật pháp khó nổi vượt qua. Đó là những ma chướng nội tâm ma chướng ngoại cảnh và ma chướng thuộc giới vô hình. Vì thế, sau khi nghiên cứu trong Đại tạng, tệ hơn đã dựa vào kinh nghiệm của chính mình và nhiều hành giả khác thuật lại, dung hợp môn tu Tịnh độ thuộc Mật giáo cùng Hiển giáo soạn ra nghi thức này. Trong đây chú trọng về sự khái quát đơn giản, lời gọn mà ý tứ đầy đủ. Pháp nghi nói sau chia làm ba phần: **Lễ bái sám hối, Trì chú niệm Phật và Phát nguyện hồi hướng.** Xin lưu ý, pháp nghi chỉ là hình thức, là khuôn mẫu, để cho hành giả nương nơi sự tướng tiến tu, mà hướng về chơn cảnh. Còn tiến trình sâu hay cạn, thấp hay cao, công đức ít hoặc nhiều, còn tùy tâm chí thành, sức trì niệm của các hành giả.)*

I - PHÂN LỄ BÁI SÁM HỎI

(Trước tiên rửa tay, rửa mặt, lễ phục nghiêm chỉnh. Khi đến nơi lễ tụng, hành-giả dùng **ấn Kiết tường**, tay trái ngón cái nắm co đầu ngón vô danh, vẽ và tưởng chữ **Rain**

 sắc trắng trong lòng tay mặt 3 lần. Rồi tay mặt cũng kiết ấn vẽ vào lòng tay trái y như vậy. Kế tiếp đốt hương rồi bước lui đứng chấp tay trước bàn Phật, đọc bài kệ tán:)

**Sắc thân Phật màu đẹp,
Trong đời không ai bằng.
Khó sánh ví, nghĩ bàn!
Nên nay con đánh lễ.**

**Sắc thân Phật vô tận,
Trí huệ cũng như thế.
Tất cả pháp thường trụ
Nên nay con quy y.**

**Bi, trí, nguyện lực lớn,
Độ khắp cả hàm linh.
Khiến bỏ thân phiền não,
Sanh về cõi thanh lương.**

**Nay con tịnh ba nghiệp,
Quy y và lễ tán.
Nguyện cùng các hữu tình,
Đồng sanh về Cực Lạc.**

(Hành giả có thể đọc bài kệ tán khác mà mình thích.)

Phổ lễ chơn ngôn

Aum! vàjra vatt (7 lần)

(Đọc: **Um! Va ji ra vatt** (7 lần). Trong khi tụng chú, kiết **ấn Kim cang hiệp chưởng** để trên đầu, chấp hai tay lại ngón so le, hữu áp tả. Theo Mật giáo, nên tưởng mình hiện thân khắp pháp hội mười phương, lễ kính chư Phật. Xong xả ấn ngay nơi đánh.)

1. Chí tâm đánh lễ: **Hoảng dương môn Tịnh độ, Thích Ca Mâu Ni Phật, trăm ngàn ức hóa thân, khắp pháp giới chư Phật** (1 lay).
2. Chí tâm đánh lễ: **Thường tịch quang Tịnh Độ, A Di Đà Như Lai, pháp thân màu thanh tịnh, khắp pháp giới chư Phật** (1 lay).

3. Chí tâm đánh lễ: **Thật báo trang nghiêm độ, A Di Đà Như Lai, thân tướng hải vi trần, khắp pháp giới chư Phật** (1 lay).
4. Chí tâm đánh lễ: **Phương tiện thánh cư độ, A Di Đà Như Lai, thân trang nghiêm giải thoát, khắp pháp giới chư Phật** (1 lay).
5. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, A Di Đà Như Lai, thân căn giới đại thừa, khắp pháp giới chư Phật** (1 lay).
6. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, A Di Đà Như Lai, thân hóa đến mười phương, khắp pháp giới chư Phật** (1 lay).
7. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, giáo hạnh lý ba kinh, y chánh đều tuyên dương, khắp pháp giới tôn Pháp** (1 lay).
8. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, Quán thể Âm Bồ tát,**

- thân tử kim muôn ức, khắp pháp giới Bồ tát (1 lay).
9. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, Đại Thế Chí Bồ tát, thân trí sáng vô biên, khắp pháp giới Bồ tát** (1 lay).
 10. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, Mạn Thù Đại Bồ tát, thân thị hiện trí mầu, khắp pháp giới Bồ tát** (1 lay).
 11. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, Phổ Hiền Đại Bồ tát, thân hạnh nguyện sát trần, khắp pháp giới Bồ tát** (1 lay).
 12. Chí tâm đánh lễ: **Cõi Cực Lạc phương Tây, Thanh tịnh đại hải chúng, thân phước trí trang nghiêm, khắp pháp giới thánh chúng** (1 lay).

(Kế tiếp, quỳ trước bàn Phật, chắp tay chí thành, đọc kệ sám hối:)

Quy mạng mười phương Phật,
 Tôn pháp, hiền thánh tăng,
 Tam thánh cõi Cực Lạc,
 Xin thương xót chứng-minh,
 Vô thi kiếp đến nay,
 Con mê lạc luân hồi.
 Do bởi tham, sân, si,
 Từ nơi thân, khẩu, ý.
 Tạo tứ trọng, ngũ nghịch,
 Thập ác, vô biên tội.
 Nay đem tâm chí thành,
 Tỏ bày cầu sám hối.
 Nguyên nhờ sức gia trì,
 Thân tâm đều thanh tịnh.
 Xin phát đại Bồ đề,
 Độ mình, người giải thoát.

Nam mô cầu sám hối Bồ tát ma ha tát
 (3 lần)

(Đứng lên chắp tay xướng:)

Đệ-tử sám hối, phát nguyện rồi, chí
 tâm đánh lễ Tam bảo (1 lạy)

II - PHẦN TRÌ CHÚ NIỆM PHẬT

(Ngồi kiết già hoặc bán già trước bàn Phật.
 Tịnh tâm trong giây phút, rồi tưởng chữ **Rain**
 sắc trắng trên đầu, phóng ánh sáng đỏ.
 Kế dùng **ấn Kiết tường** viết và tưởng
 chữ **Rain** cùng chữ **Hùm**
 cũng đều sắc trắng, gia trì hai lòng bàn tay và chuỗi, mỗi nơi
 ba lần. Lại tiếp dùng **ấn Kiết tường**, gia trì
 chơn ngón sau đây nơi tràng chuỗi, xong
 búng ba cái, xả ấn trên đảnh.)

Gia trì số châu chơn ngón

Aum! Vairocana mara svàhà (7 lần)

(Đọc: **Um!**, vai rô ca na ma ra xoá ha (7
 lần). Xả ấn xong, vẫn ngồi chắp tay tụng bài
 Hương tán:)

Nguyện mây hương màu này,
 Hiện khắp mười phương cõi.
 Tất cả các Phật độ,
 Vô lượng hương trang nghiêm.
 Đầy đủ Bồ tát đạo,
 Thành tựu Như Lai hương.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ tát ma ha tát (3 lần)

(Vẫn chấp tay tụng tiếp bài tán Vô Lượng Thọ:)

Quang, thọ khó suy lường,
Sáng lạng khắp mười phương.
Thế tôn Vô Lượng Quang,
Cha lành cõi Liên bang.
Thần lực chẳng tư nghĩ,
Sống lâu A tăng kỳ.
A Di Đà Như Lai,
Tiếp dẫn lên liên đài.
Cõi Cực Lạc thuần Tịnh,
Công đức lạ trang nghiêm.
Nơi tất cả quần sanh,
Vượt lên ngôi bất thối.
Mười phương hằng sa Phật.
Đều ngợi khen Vô lượng.
Cho nên hôm nay con,
Nguyện sanh về An dưỡng.

Nam mô Liên trì hải hội Phật Bồ tát (3 lần)

(Tụng tiếp:)

Phổ thanh tịnh chơn ngôn

**Aum! Svabhàva suddha, sarva
dharma, svabhàva suddha hàm.
Aum! Rain rain rain (7 lần)**

(Đọc: Um! Soa phạ va suýt đa, sạt va
đạt ma, soa phạ va suýt đa hàm. Um!
Răn răn răn (7 lần) - Khi tụng chú này, kiết
Chuẩn Đề biệt ấn. Cả hai tay, ngón cái nắm
co ba ngón: trỏ, vô danh và út. Kế hiệp hai
tay lại, hai ngón giữa dùm đầu nhau dựng
đứng. Tụng xong xả ấn nơi đảnh. Đây là phối
hợp chữ Tịnh tam nghiệp và Tịnh pháp giới.
Chân ngôn này có công năng khiến cho bên
trong thì thân, khẩu, ý, y phục, bên ngoài từ
chỗ ở của mình đến hoàn cảnh rộng xa thấy
đều thanh tịnh. Do chú này, tội chướng đều
được tiêu trừ, có thể thành tựu được các việc
thù thắng.)

Hộ thân chơn ngôn

**Aum! Vajra angi pra nambidhaya
svàhà. Aum, Srain srain srain (7 lần)**

(Đọc: Um! va ji ra, a nghi ni, bá ra năm
bì đá da, xóa ha. Um! xỉ răn, xỉ răn, xỉ
răn (7 lần) - Khi tụng chú này, kiết ấn Bị giáp

hộ thân, hành giả xoa hai tay vào trong, hữu áp tả, hai ngón giữa dựng đầu dính nhau, hai ngón cái áp vào ngón vô danh. Hai ngón trở cong lại như lưỡi câu, nhưng không dựng vào lưng hai ngón giữa. Đây là phối hợp chú Hộ thân trong Nghi Thập bát đạo và Mạn thù nhất tự chơn ngôn. Khi kiết ấn tụng chú này, thân của đương nhơn liền được mặc giáp trụ. Tất cả loài ma làm chướng ngại, bỗng thấy hành giả oai đức tự tại, ánh sáng bao phủ chói ngời, liền tan rã bỏ chạy. Sức chân ngôn này có thể bảo vệ được bản thân và tất cả mọi người xung quanh. Các ách nạn như: nước, lửa, cọp, sói, sư tử, dao gậy, gông xiềng thảy đều tiêu diệt. Khi tụng chú này xong 7 biến liền xả ấn nơi đành. Kế hai tay đều kiết **ấn Kim cang quyền**, ngón cái bấm vào gốc ngón vô danh, nắm chặt lại. Rồi đem ấn in vào các nơi: trán, yết hầu, hai vai, ngực, rún, hai bắp đùi, sau thận môn, xương gu sau cổ, rồi đành rồi xả ấn. Trong khi ấy miệng tụng chữ **Hùm** liên tiếp, cho đến khi xả ấn mới thôi. Đây là pháp thức trấn tà ma không cho xâm nhập vào thân.)

Vô Lượng Thọ Như Lai chân ngôn
 Namo ratnatrāyaya. Namo Ārya
 Amitabāya. Tatthāgataya. Arahati.
 Samyaksambuddhaya. Tadyathā!
 Aum! Amṛti, Amṛta nabāve. Amṛta
 sambāve, Amṛta gabe, Amṛta súddhe,
 Amṛta site, Amṛta vicalante,
 Amṛta vicalanta gāmini.
 Amṛta gagana kiticali,
 Amṛta lodo visabhali. Sarvaritha
 saddhāni, Sarva macali. Saksa yūkali.
 Svāhā. Aum! Bhṛum, Hūm (54, 108 lần).

(Đọc: Nam mô rát na tra dạ da. Nam
 mô a rị da. A mi tá bà da. Tát tha ga tá
 da. A ra ha ti. Sam dất sam buýt đà
 da. Tát da tha. Um! A mi rị ti. A mi rị tô
 na bà vê. A mi rị tá sam bà vê. A mi rị
 tá ga bê. A mi rị tá suýt dê. A mi rị tá
 si tê. A mi rị tá vi ca lãn tê. A mi rị tá vi
 ca lãn tá ga mi nị. A mi rị tá gà ga na
 ky ti ca li. A mi rị tá lô đô vi sa phạ li.
 Sặt va rị thá sa đà ni. Sặt va ma ca li.
 Sa khát sá du ca li. Sóa ha! Um! Bút
 rum! Hùm! (54, 108 lần)

Khi tụng chơn ngôn này, kiết **ấn Vô Lượng liên hoa**. Hai tay xoa bên ngoài, hữu áp tả. Dựng hai ngón giữa đầu dùm cong lại như cánh sen. Có thể kiết ấn này tụng chơn ngôn ba lần, xả ấn lên đánh, rồi lần chuỗi ký số. Đà ra ni này tụng một biến, diệt các tội tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác trong tự thân, tất cả tội chướng đều tiêu diệt. Nếu hàng xuất gia tăng ni, hoặc tại gia thiện tín, phạm giới căn bản, tụng xong bảy biến trở lại được giới phẩm thanh tịnh. Khi kiết ấn tụng chơn ngôn này, liền cảm giác đức Vô Lượng Thọ Như Lai phóng quang trụ nơi đỉnh của hành-giả, và được sự nhiếp thọ. Tụng đến một vạn biến, Tâm bồ đề hiển hiện trong thân không quên mất. Người trì niệm lần lần thể nhập vào tịnh tâm tròn, sáng, mát mẻ, trong sạch như trăng thu, tiêu tan tất cả phiền não. Khi lâm chung, hành giả thấy Phật A Di Đà cùng với vô lượng trăm ức chúng Bồ tát vây quanh đến an ủi, tiếp dẫn. Đương nhơn liền sanh về phẩm Thượng thượng ở Cực Lạc.

Câu: "**Aum! Bhram hùm**", là chơn ngôn "**Nhứt tự chuyển luân**", như bánh xe nâng đỡ, khi phối hợp vào, có công năng làm cho

các chơn ngôn khác mau kiến hiệu và thành tựu.

Trên đây là pháp thức Tịnh Độ của Mật giáo. Các vị tu Mật tông muốn sanh về Cực Lạc, chỉ chuyên tụng chú này. Tệ hơn vì xét thấy nhiều liên hữu khi tu bị phiền não và ma nạn khuấy rối, nên phối hợp tụng chơn ngôn này đi tiên phong dẹp chướng ngại, khiến cho thân tâm dễ được thanh tịnh trước khi niệm Phật. Tuy nhiên chúng sanh tặc tập và sở báo đều khác. Vị nào thích tụng chú Đại Bi hoặc Chuẩn Đề, thì chỉ cần đổi bài kệ tán Đại Bi, Chuẩn Đề. Và sau khi tụng chú hộ thân, Lục tự đại minh, tiếp tụng môn đà ra ni của mình. Và hành giả nào thích tụng kinh Kim Cang hoặc Pháp Hoa, chỉ đổi đoạn trì chú thành tụng kinh, rồi tiếp tục niệm Phật. **Chơn ngôn Vô Lượng Thọ thuộc về Bất tư nghì thần lực, câu Niệm Phật thuộc về Bất tư nghì công đức.** Cả hai, bên Mật, bên Hiển, cùng một nguồn gốc, đều có năng lực đưa hành giả về Tịnh độ. Nếu phối hợp lại, tất công năng vãng sanh càng thêm kiến hiệu. Tụng chơn ngôn xong, tiếp chấp tay đọc bài kệ khen tướng hảo đức A Di Đà và tiếp qua niệm Phật.)

Thân Phật Di Đà vàng rực rỡ,
Tuyệt vời tươi đẹp tướng trang
nghiêm.

Năm Tu di uyển chuyển ngọc hào,
Bốn đại hải biếc xanh liên mục.
Vô biên hóa Phật cùng Bồ Tát,
Hiện đầy trong ánh diệu quanh-minh.
Nguyện lành bốn tám độ hàm-linh,
Chín phẩm sen vàng sanh Cực Lạc.

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc thế
giới, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A
Di Đà Phật.

(Kế tiếp niệm:)

Nam mô A Di Đà Phật

(Chuyên tụng Vô Lượng Thọ Như Lai Đà
Ra Ni cũng được vãng sanh, nhưng vì chân
ngôn dài khó nhiếp tâm hơn sáu chữ hồng
danh, nên sau khi trì chú lại tiếp niệm Phật.

Về cách trì niệm, tề hơn lại phối hợp với
môn Thiền của ngài Trí Giả, khiến cho Thiền,
Tịnh được dung hòa. Pháp thức này chia ra
làm bốn giai đoạn, đi từ cạn đến sâu:

a. **Ký số niệm Phật:** Hành giả lấy mười câu
làm một đơn vị, niệm xong 10 câu lần một
hột chuỗi. Người hơi dài có thể niệm suốt.
Như hơi ngắn thì chia làm hai đoạn, mỗi
đoạn 5 câu. Cần phải niệm rành rẽ, rõ
ràng, nhiếp tâm lắng nghe, ghi nhớ từ một
đến mười câu. Vì còn sự ghi nhớ số ấy,
nên gọi là ký số.

b. **Chứng số niệm:** Khi niệm đã thuần, thì
không cần ghi nhớ từ một đến mười. Niệm
đủ mười câu, liền tự biết một cách hồn
nhiên. Đó gọi là chứng số. Lúc này tâm
hành giả được tự tại hơn. Ý niệm càng
chuyên nhứt.

c. **Chỉ quán niệm:** Lúc mới niệm, dứt tất cả
tư tưởng phiền tạp, duy yên tĩnh lắng
nghe, gọi là chỉ. Khi yên tĩnh đã lâu, tâm
muốn hôn trầm, liền khởi lên ý niệm Phật
tha thiết, tựa như con sa vào vòng tội khổ,
gọi cha mẹ cứu vớt. Sự khởi tưởng đến
Phật đó, gọi là quán. Hai cách này cứ thay
đổi lẫn nhau, tán loạn dùng phép chỉ, hôn
trầm dùng phép quán.

d. **Tịch tĩnh niệm:** Khi chỉ quán đã thuần,
hôn trầm, tán loạn tiêu tan, hành giả liền

một niệm buông bỏ tất cả. Lúc ấy trong quên thân tâm, ngoài quên thế giới, đạo lý diệu huyền cũng xả, cho đến cái không cũng trừ. Bảy giờ tâm niệm vắng lặng, sáng suốt, chỉ còn hồn nhiên một câu niệm Phật mà thôi. Đến giai-đoạn này Tịnh tức là Thiền, có niệm đồng với không niệm, tạm mệnh danh là Tịch tĩnh niệm.

Pháp thức niệm trên đây, sau nhiều năm bị chướng ngại trong lúc hành trì, tệ nhờn đã suy tư, nghiên cứu, vạch ra một đường lối để áp dụng riêng cho mình. Nay cũng mong nó đem lợi ích lại cho hàng liên hữu.)

III - PHẦN PHÁT NGUYỆN HỒI HƯỚNG

(Sau khi trì danh đủ số, đến quỳ trước bàn Phật, chắp tay niệm:)

Nam mô A Di Đà Phật (10 lần)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát (10 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát (10 lần).

Nam mô Thanh tịnh đại hải chúng Bồ tát (10 lần)

(Vẫn quỳ, chí tâm đọc bài kệ phát nguyện, hồi hướng:)

Nay con trì chú, xưng niệm Phật,
Thệ phát lòng bồ đề rộng lớn.
Cúi xin xót thương nhiếp thọ con,
Chứng minh sám hối và sở nguyện.

Về trước đến nay con tạo ác,
Đều do vô thi tham, sân, si.
Từ thân, miệng, ý phát sanh ra,
Tất cả chí tâm xin sám-hối.

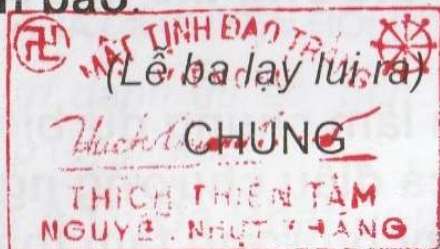
Chúng sanh vô biên thê nguyện độ,
Phiền não vô tận thê nguyện dứt.
Pháp môn vô lượng thê nguyện học,
Phật đạo vô thượng thê nguyện thành.

Con nguyện lâm chung dự biết thời,
Dứt trừ tất cả điều chướng ngại.
Diện kiến Tây phương tam thánh tôn,
Liên được sanh về cõi Cực Lạc.

Xin đem công đức trì niệm này,
Hồi hướng bốn ân và ba cõi.
Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh,
Đồng sanh Cực Lạc thành Phật đạo.

(Năm bài kệ trên tuy đơn giản song đầy đủ tất cả ý nghĩa. Hành giả có thể đọc bài nguyện văn khác mà mình ưa thích, nhưng phải đúng với ý nghĩa phát nguyện hồi hướng. Xong đứng lên xướng:)

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô Ta bà giáo chủ, bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Tây phương Cực Lạc thế giới, tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật, đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, đại lực Đại Thế Chí Bồ tát, Thanh tịnh đại hải chúng Bồ tát, thập phương tam thế biến pháp giới Tam bảo.





*Trúc Liên Bốn Thát
Môi Cổ Hòa Thượng Ân Tu*



*Nam Mô Phương Liên Tịnh Xử Mật Tịnh Đạo Tràng
Trúc Liên Bốn Thất
Cổ Họa Thượng Tổ Sư
Thích thượng Thiện hạ Tâm thầy từ mình chúng*



PHƯỚC HUỆ SONG TU